

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY  
116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV**  
**NĂM 2012**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **CÔNG TY**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 13/09/2012.
- Trụ sở chính của Công ty:  
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : (031)3 854 626  
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Cảnh**

**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

*DVT: VNĐ*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>251.817.624.194</b>	<b>407.629.694.157</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>40.939.228.027</b>	<b>4.565.415.921</b>
1. Tiền	111		11.939.228.027	4.565.415.921
2. Các khoản tương đương tiền			29.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			<b>214.364.447.934</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>5.2</b>		214.364.447.934
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>118.050.563.121</b>	<b>48.020.769.948</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		51.708.027.857	12.464.200.000
2. Trả trước cho người bán	132		12.714.550.954	360.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>5.3</b>	53.627.984.310	35.196.569.948
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>88.696.135.277</b>	<b>138.970.393.176</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>5.4</b>	88.696.135.277	138.970.393.176
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.131.697.769</b>	<b>1.708.667.178</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			185.324.654
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.125.028.324	1.523.342.524
3. Tài sản ngắn hạn khác	153		2.006.669.445	
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>263.428.718.793</b>	<b>3.074.681.802</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.5</b>	<b>2.517.384.825</b>	<b>2.929.073.436</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		2.517.384.825	2.924.545.436
- Nguyên giá	222		3.309.363.530	3.269.363.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(791.978.705)	(344.818.094)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			4.528.000
- Nguyên giá	228		27.168.000	27.168.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.168.000)	(22.640.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.6</b>	<b>260.824.447.934</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		260.824.447.934	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>86.886.034</b>	<b>145.608.366</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>5.7</b>	86.886.034	145.608.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>515.246.342.987</b>	<b>410.704.375.959</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012


Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>145.064.326.605</b>	<b>110.413.836.044</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>145.064.326.605</b>	<b>110.413.836.044</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8		22.519.554.000
2. Phải trả cho người bán	312		77.671.080.073	
3. Người mua trả tiền trước	313		10.031.054.610	23.340.543.253
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	234.858.640	8.393.562.840
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316		1.120.000.000	175.638.669
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	47.244.020.000	47.092.108.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	8.763.313.282	8.892.429.282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>370.182.016.382</b>	<b>300.290.539.915</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.12	<b>370.182.016.382</b>	<b>300.290.539.915</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		224.999.810.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.336.000.000	14.336.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.183.151.000	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		125.663.055.382	185.954.539.915
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>515.246.342.987</b>	<b>410.704.375.959</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>Chỉ tiêu</b>			<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
5. Ngoại tệ các loại (USD)	N05		500,25	506,49



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2013

  
**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Kế toán trưởng

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế đến 31/12/ năm	
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.213.858.382	141.367.569.055	627.334.968.799	462.979.754.975
2. Các khoản giảm trừ				1.100.000.000	
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại				1.100.000.000	
- Thuế tiêu thụ DB, thuế xuất khẩu phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	5.13	80.213.858.382	141.367.569.055	626.234.968.799	462.979.754.975
4. Giá vốn hàng bán	5.14	63.358.204.736	117.390.945.605	520.393.100.899	384.968.308.855
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		16.855.653.646	23.976.623.450	105.841.867.900	78.011.446.120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.15	7.061.308.859	158.843.898	16.233.203.757	350.839.617
7. Chi phí tài chính	5.16	5.509.313.592	83.008.252	13.219.370.876	1.276.641.780
- Trong đó: Lãi vay phải trả		499.528.127	17.088.000	6.710.350.546	1.060.160.320
8. Chi phí bán hàng		(6.151.570.944)	1.933.982.722	1.479.267.893	4.049.522.103
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		845.990.471	454.392.739	2.176.517.254	2.961.287.978
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		23.713.229.386	21.664.083.635	105.199.915.634	70.074.833.876
11. Thu nhập khác		(110.415.999)	2.000.001	145.454.547	15.000.002
12. Chi phí khác		37		401.951.925	194.547.411
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(110.416.036)	2.000.001	(256.497.378)	(179.547.409)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		23.602.813.350	21.666.083.636	104.943.418.256	69.895.286.467
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.17		3.750.000		3.750.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		23.602.813.350	21.662.333.636	104.943.418.256	69.891.536.467



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

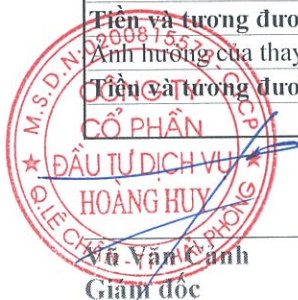
Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2013

Hồ Thị Xuân Hoà  
Kế toán trưởng




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(Theo phương pháp gián tiếp)- Lũy kế từ đầu năm

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>69,895,286,467</b>	<b>104,943,418,256</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	451,688,611	309,700,349
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(23,753,289)	4,286,856,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(327,086,328)	(14,478,006,513)
- Chi phí lãi vay	06	1,060,160,320	6,710,350,546
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>71,056,295,781</b>	<b>101,772,318,638</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(70,531,478,973)	18,514,433,974
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	50,274,257,899	4,616,979,954
- Tăng, giảm các khoản phải trả ( không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp )	11	58,652,412,528	(36,496,912,424)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	244,046,986	67,097,524
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,213,071,716)	(6,710,350,546)
- Thuế TNDN đã nộp	14	(1,280,397,282)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,050,303,279	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6,186,088,724)	
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>105,066,279,778</b>	<b>81,763,567,120</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(40,000,000)	(2,974,072,727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	22		145,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(324,364,447,934)
4. Tiền thu nơi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6,000,000,000	210,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(52,460,000,000)	
6. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	327,086,328	7,809,486,094
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(46,172,913,672)</b>	<b>(109,383,580,022)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		24,336,000,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17,000,000,000	115,484,247,500
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39,519,554,000)	(115,464,693,500)
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.	36		(12,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22,519,554,000)</b>	<b>12,355,554,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>36,373,812,106</b>	<b>(15,264,458,902)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4,565,415,921</b>	<b>19,829,288,638</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		586,185
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>40,939,228,027</b>	<b>4,565,415,921</b>

M.S.D.N. 22098153  
  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐẦU TƯ DỊCH VỤ**  
**HOÀNG HUY**  
 Vũ Văn Cảnh  
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2013

  
 Hồ Thị Xuân Hoà  
 Kế toán trưởng

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 13/09/2012.

Vốn Điều lệ: 224.999.810.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 22 người.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơmooc và bán rơmooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đồng Việt Nam ( VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**3.2 Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

**4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

#### 4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

##### - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá gộp đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

#### 4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

#### 4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

#### Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trngj yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1,524,970,017	4,493,983,509
Tiền gửi ngân hàng	10,414,258,010	71,432,412
Các khoản tương đương tiền	29,000,000,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>40,939,228,027</b>	<b>4,565,415,921</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt vay theo các hợp đồng		214,364,447,934
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>214,364,447,934</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	53,543,006,070	25,855,190,766
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	84,978,240	2,417,586,083
Tiền lãi vay phải thu Công ty CP TM Hưng Việt		6,923,793,099
<b>Tổng cộng</b>	<b>53,627,984,310</b>	<b>35,196,569,948</b>

(\*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng ( xem thuyết minh số 5.17 dưới đây)

**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18,574,949,860	13,532,179,563
Thành phẩm		
Hàng hóa	3,287,775,543	31,158,910,757
Hàng gửi bán	66,833,409,874	94,279,302,856
Chi phí sản lập dự án An Đồng		
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>88,696,135,277</b>	<b>138,970,393,176</b>

**5.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình.	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>	<b>3,031,972,727</b>	<b>237,390,803</b>	<b>3,269,363,530</b>
Tại ngày 01/01/2012	3,031,972,727	237,390,803	3,269,363,530
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	<b>40,000,000</b>	<b>40,000,000</b>
Mua trong kỳ		40,000,000	40,000,000
<b>Giảm trong kỳ</b>			-
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>3,031,972,727</b>	<b>277,390,803</b>	<b>3,309,363,530</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			-
Tại ngày 31/12/2011	230,861,384	113,956,710	344,818,094
Khấu hao trong kỳ	391,059,091	56,101,520	447,160,611
Thanh lý, nhượng bán			-
Tại ngày 31/12/2012	621,920,475	170,058,230	791,978,705
Giá trị còn lại	2,410,052,252	107,332,573	2,517,384,825
Tại ngày 01/01/2012	2,801,111,343	123,434,093	2,924,545,436
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>2,410,052,252</b>	<b>107,332,573</b>	<b>2,517,384,825</b>
			-
<b>Tài sản cố định vô hình</b>			-
Nguyên giá tại ngày 01/01/2012		27,168,000	27,168,000
Hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2012		27,168,000	27,168,000
Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2012		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần thương mại Hưng Việt	260,824,447,934	
<b>Tổng cộng</b>	<b>260,824,447,934</b>	<b>-</b>

Thể hiện khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền góp vốn theo hợp đồng 300.000.000.000 VNĐ ( Ba trăm tỷ đồng ) mục đích góp vốn vào Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt để cùng nhau hợp tác kinh doanh thực hiện dự án “ Golden land Building”. Thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2014.

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/2012	145,608,366	254,603,325
Tăng trong kỳ	70,260,407	11,809,091
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(128,982,739)	(120,804,050)
Tại ngày 31/12/2012	<b>86,886,034</b>	<b>145,608,366</b>

**5.8 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng TMCP Á Châu – CN HP *		22,519,554,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>22,519,554,000</b>

(\*) Khoản vay 2012, vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HAP.DN.05160511/HMTD ngày 18/05/2011 ; theo đó hạn mức tín dụng là 111.00.000.000 đồng; Khoản vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại xe vận tải; Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; Lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Á Châu quy định từng thời kỳ. Tiền gốc trả vào cuối kỳ. Tiền lãi trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng 256,50 m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản gắn liền với đất tại Biệt thự số 183 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Quyền sử dụng 59,2 m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản trên đất tại số 324C (số 326 cũ) Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Quyền sử dụng 92 m<sup>2</sup> đất cùng với tài sản trên đất tại số 212 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cùng toàn bộ nhà xưởng và vật kiến trúc trên đất được xây dựng trên 44.767,6 m<sup>2</sup> đất thuê tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT		2,417,586,082
Thuế nhập khẩu	141,630,400	4,691,379,476
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	84,978,240	1,280,397,282
Thuế TNDN	3,750,000	
Thuế thu nhập cá nhân	4,500,000	4,200,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>234,858,640</b>	<b>8,393,562,840</b>

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,074,020,000	47,074,020,000
Phải trả cá nhân	170,000,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>47,244,020,000</b>	<b>47,074,020,000</b>

(\*) Như trình bày tại thuyết minh số 5.18 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

**5.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ khen thưởng	5,927,243,522	6,020,759,522
Quỹ phúc lợi	2,836,069,760	2,871,669,760
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,763,313,282</b>	<b>8,892,429,282</b>

**5.12 Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư</b>	<b>Thặng dư vốn</b>	<b>Quỹ dự phòng</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Cộng</b>
	<b>của chủ sở hữu</b>	<b>cổ phần</b>	<b>tài chính</b>	<b>chưa phân phối</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 31/12/2011	100,000,000,000	14,336,000,000		185,954,539,915	300,290,539,915
Lãi trong kỳ				69,891,536,467	69,891,536,467
Chia cổ tức năm 2010	50,000,000,000			(50,000,000,000)	-
Chia cổ tức năm 2011	74,999,810,000			(74,999,810,000)	-
Chia cổ tức năm 2011 TM				(60,000)	
Quỹ dự phòng tài chính			5,183,151,000	(5,183,151,000)	
Tại ngày 31/12/2012	224,999,810,000	14,336,000,000	5,183,151,000	125,663,055,382	370,182,016,382

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:



<b>Tên cổ đông</b>	<b>Theo giấy chứng nhận ĐKKD</b>		<b>Vốn đã góp đến 30/09/2012</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54,00	121.500.000.000	54,00
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85	53.662.500.000	23,85
Mai Trang	4.050.000.000	4,05	9.112.500.000	4,05
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05	9.112.500.000	4,05
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05	9.112.500.000	4,05
Cổ đông khác	10.000.000.000	10,00	22.499.810.000	10,00
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>224.999.810.000</b>	<b>100,00</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	460,454,322,270	623,770,755,291
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,525,432,705	2,684,213,508
<b>Tổng cộng</b>	<b>462,979,754,975</b>	<b>626,454,968,799</b>
<b>5.14 Giá vốn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa	382,695,627,944	518,891,062,442
Giá vốn của dịch vụ	2,272,680,911	1,502,038,457
<b>Tổng cộng</b>	<b>384,968,308,855</b>	<b>520,393,100,899</b>
<b>5.15 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	327,086,328	491,590,260
Thu lãi từ hoạt động cho vay		13,791,175,044
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	23,753,289	1,950,438,453
<b>Tổng cộng</b>	<b>350,839,617</b>	<b>16,233,203,757</b>
<b>5.16 Chi phí tài chính</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	1,060,160,320	6,710,350,546
Chênh lệch tỷ giá	216,481,460	6,509,020,330
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,276,641,780</b>	<b>13,219,370,876</b>
<b>5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69,895,286,467	104,943,418,256
Thu nhập chịu thuế	69,895,286,467	104,943,418,256
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (25%)	17,473,821,617	26,235,854,564
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(17,470,071,617)	(26,235,854,564)
Thuế TNDN	3,750,000	

(\*) Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

**5.18 Cam kết góp vốn Liên doanh**

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukca International dự kiến thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Prukca Việt Nam lần lượt là 15.000.000 USD và 85.000.000 USD ( trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Prukca International lần lượt là 15% và 85% ).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng ( trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

#### 5.19 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Mua hàng hoá, dịch vụ 12.271.775.849

Giá trị hàng hoá dịch vụ đã cung cấp

**Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt**

Giá trị đầu tư góp vốn

#### 6. PHÂN TÍCH CHI TIÊU KINH DOANH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này là:

- \* Miền bắc : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Bắc.
- \* Miền Trung : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Trung
- \* Miền Nam : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Nam

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau.

Doanh thu	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012	
Doanh thu hàng hóa	4,842,049,533	15,932,727,266	24,690,909,093	45,465,685,892
Doanh thu dịch vụ	15,563,870			15,563,870
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,857,613,403</b>	<b>15,932,727,266</b>	<b>24,690,909,093</b>	<b>45,481,249,762</b>

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012	
Giá vốn của hàng hóa	3,100,013,390	13,384,715,795	21,696,196,834	38,180,926,019
Giá vốn của dịch vụ	3,565,760			3,565,760
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,103,579,150</b>	<b>13,384,715,795</b>	<b>21,696,196,834</b>	<b>38,184,491,779</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	
Lợi nhuận gộp từ hàng hóa	1,742,036,143	2,548,011,471	2,994,712,259	7,284,759,873
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	11,998,110			11,998,110
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,754,034,253</b>	<b>2,548,011,471</b>	<b>2,994,712,259</b>	<b>7,296,757,983</b>

-

**Các khoản phải thu ngắn hạn**

<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	
Phải thu của khách hàng	15,852,327,857	18,173,700,000	17,682,000,000	51,708,027,857
		<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	
		<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>Tổng cộng</b>
Trả trước cho người bán			12,714,550,954	12,714,550,954

**Các khoản phải trả ngắn hạn**

<b>Khách hàng trả tiền trước</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	
Khách hàng trả tiền trước	2,107,054,610	7,119,000,000	805,000,000	10,031,054,610
		<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	
		<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải trả cho người bán		76,438,443,900	1,232,636,173	77,671,080,073

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**7.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 30/09/2011.

**7.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 4 năm 2012 so với quý 4 năm 2011.**

Do đặc thù kinh doanh chính của doanh nghiệp là kinh doanh dòng xe tải nặng, xe ben phục vụ chủ yếu cho các công trình xây dựng.

Trong thời gian qua do ngân hàng thắt chặt các nguồn vốn vay đầu tư xây dựng bất động sản, nên thị trường xây dựng, kinh doanh bất động sản gặp rất nhiều khó khăn hầu như không phát triển, đã kéo theo các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải vào tình trạng khó khăn chung. Các doanh nghiệp không có điều

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

kiện tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư tài sản, không có nguồn cung cấp vận tải nên việc đầu tư mua sắm xe ô tô trở nên hạn chế.

Vì vậy lợi nhuận quý 4 năm 2012 so với quý 4 năm 2011 đã giảm là 1.940.479.714 đồng tương đương với giảm 8%



Vũ Văn Cảnh

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 1 năm 2013

**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hồ Thị Xuân Hoà

Kế toán trưởng